

c — Các Bộ, các ngành thuộc khu vực sản xuất và các Ủy ban Hành chính địa phương có trách nhiệm báo cáo hàng tháng đúng kỳ hạn về việc thi hành chính sách lương mới trong ngành mình lên Thủ tướng phủ và Bộ Lao động biết. Trong lúc thi hành nếu gặp khó khăn thì phải xin chỉ thị kịp thời.

Vấn đề tiền lương là một vấn đề quan trọng và phức tạp, quan hệ đến đời sống và tư tưởng công nhân, cán bộ, viên chức, ảnh hưởng đến mọi mặt hoạt động kinh tế. Các Bộ và các Ủy ban Hành chính các cấp phải tăng cường lãnh đạo chặt chẽ. Công việc tiến hành phải dựa vào tổ chức Công đoàn và phải theo đúng đường lối quản chung, đề cao tinh thần trách nhiệm của mọi người, làm cho việc cải tiến tiền lương và tăng lương lần này có kết quả tốt.

Hà nội ngày 17 tháng 4 năm 1958

Thủ tướng Chính phủ
PHẠM-VĂN-ĐỒNG

LIÊN BỘ

NỘI VỤ — LAO ĐỘNG

THÔNG TƯ số 9-TTLB ngày 17-4-1958
về việc quy định phụ cấp khu vực.

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG
BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Kính gửi : Các Ông Chủ tịch Ủy ban Hành chính khu, thành phố, tỉnh.

Đồng kính gửi : các vị Bộ trưởng các Bộ.

Nghị định số 182-TTg ngày 7 tháng 4 năm 1958 của Thủ tướng Chính phủ đã quy định các điều khoản về việc cải tiến chế độ tiền lương cho cán bộ, công nhân, nhân viên các xí nghiệp Nhà nước. Điều 7 của nghị định đã quy định nguyên tắc về phân định khu vực định xuất phụ cấp của các khu vực và giao quyền hạn cho Liên bộ Nội vụ — Lao động quy định cụ thể việc thi hành.

Liên bộ ra thông tư này nhằm giải thích và quy định cụ thể các địa phương và các cơ sở sản xuất vào các khu vực được hưởng định xuất phụ cấp và cách tính hưởng phụ cấp.

I. Ý NGHĨA VÀ MỤC ĐÍCH VIỆC BAN HÀNH CHẾ ĐỘ PHỤ CẤP KHU VỰC

Hiện nay, phụ cấp khu vực có 3 tỷ lệ 6%, 13% và 20% cho một số địa phương miền rừng núi, cùng với việc tăng lương theo tỷ lệ 5%, 8% và

12%, có phân biệt và chiếu cố một số thành thị và khu công nghiệp tập trung, đã hình thành 10 khu vực lương khác nhau, chênh lệch chưa hợp lý; một số vùng rừng núi hẻo lánh có nhiều khó khăn như biên phòng, hải đảo và một số khu vực công nghiệp tập trung chưa được chiếu cố thích đáng.

Việc quy định phụ cấp khu vực lần này nhằm cải tiến thêm một bước chế độ phụ cấp khu vực trước đây, điều chỉnh và bổ sung một số khu vực cần thiết, nâng thêm tỷ lệ cho một số vùng biên giới thật khó khăn và một số khu vực công nghiệp tập trung giảm bớt một phần những bất hợp lý hiện tại và tạo điều kiện chuẩn bị tiến tới xây dựng các khu vực lương sau này được hợp lý hơn.

Chủ trương cải tiến chế độ phụ cấp khu vực trên đây không ngoài mục đích thực hiện dần nguyên tắc « phân phối theo lao động ». Tiền lương của công nhân viên ở các vùng có hoàn cảnh sinh hoạt khó khăn được chiếu cố nhiều hơn, giúp thêm điều kiện để giải quyết khó khăn trong sinh hoạt và công tác của công nhân viên ở một số nơi cần thiết. Vì vậy, chế độ phụ cấp khu vực có tác dụng nhất định trong việc ổn định tư tưởng, đoàn kết nội bộ công nhân viên, khuyến khích công nhân viên hăng hái đến công tác tại những nơi khó khăn và những vùng công nghiệp quan trọng.

Trong lần cải tiến này, nhiều chỗ bất hợp lý của chế độ phụ cấp khu vực cũ đã được giải quyết một phần, nhưng trong hoàn cảnh khó khăn của ta hiện nay, cũng còn một số vấn đề tồn tại, sau này sẽ tiếp tục nghiên cứu giải quyết dần để ngày một hợp lý hơn.

II. - NGUYÊN TẮC QUY ĐỊNH KHU VỰC

Nghị định của Thủ tướng phủ đã quy định rõ việc phân chia và điều chỉnh khu vực dựa vào 3 yếu tố sau đây để quyết định: điều kiện công tác khó khăn, xa xôi, khí hậu xấu; điều kiện sinh hoạt khó khăn, vật giá đắt đỏ có tính chất thường xuyên sự cần thiết khuyến khích nhiều người vào làm việc tại các khu vực công nghiệp quan trọng.

Điều kiện công tác khó khăn, xa xôi, khí hậu xấu ở đây là những điều kiện thiên nhiên như địa lý rộng, rừng núi hiểm trở, những vùng hẻo lánh, đường sá đi lại khó khăn, khí hậu độc, hoặc rét lạnh nhiều v.v... cán bộ, công nhân viên đến đây công tác thường gặp nhiều khó khăn.

Điều kiện sinh hoạt khó khăn, vật giá đắt đỏ có tính chất thường xuyên là những nơi có những nhu cầu về sinh hoạt xã hội (ăn mặc, ở và một số chi tiêu khác) như nhà ở khó khăn, điện nước, tiền vệ sinh, phương tiện đi lại v.v... ở các thành phố lớn đặc biệt khó khăn hơn ở các nơi khác; vật giá đắt đỏ do hoàn cảnh sản xuất của địa phương không đủ cung cấp phải vận tải ở nơi xa

đến nên đất đỏ có tính chất thường xuyên, cần phân biệt khác với tình trạng vật giá đất đỏ có tính chất đột xuất trong một thời gian do ảnh hưởng của công tác quản lý thị trường chưa được chặt chẽ.

Khu vực công nghiệp quan trọng, cần khuyến khích nhiều người làm việc là những vùng có nhiều xí nghiệp tập trung, những vùng khai thác lớn hoặc những vùng mới khai thác cần thu hút nhiều công nhân viên ở nơi khác đến đó làm việc.

Khi cân nhắc sắp xếp các địa phương và các xí nghiệp vào các khu vực phải nhìn chung cả 3 yếu tố kể trên, cân nhắc những điều kiện thuận lợi và điều kiện khó khăn không nên chỉ nhìn khó khăn mà quên thuận lợi hoặc chỉ nhìn thấy khó khăn của địa phương mình không nhìn thấy khó khăn của địa phương khác. Yếu tố chủ yếu cần chú ý là những nơi điều kiện công tác khó khăn, những vùng xa xôi, hẻo lánh nhiều. Căn cứ vào 3 yếu tố trên đồng thời có chiếu cố đến tình hình phụ cấp khu vực hiện tại để giải quyết tương đối thỏa đáng trong lần cải tiến tiền lương này.

III. — QUY ĐỊNH CỤ THỂ CÁC ĐỊA PHƯƠNG VÀ CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT ĐƯỢC HƯỞNG PHỤ CẤP KHU VỰC

Căn cứ vào các yếu tố và nguyên tắc kể trên, căn cứ vào ý kiến tham góp của Ủy ban Hành chính các địa phương và các Bộ, sau khi xét quan hệ và lợi ích chung, Liên bộ quy định danh sách các địa phương và các cơ sở sản xuất sau đây được hưởng phụ cấp khu vực :

1. **Khu vực đặc biệt** : được hưởng định suất phụ cấp bằng 35% lương cấp bậc gồm có :

— Đảo Bạch long vĩ, Đảo Long châu (Hải phòng)

— Một số vùng biên giới hẻo lánh và một số đồn trạm biên phòng ở các vùng cao thuộc các châu Mường tè, Sinh hồ, Phong thổ, thuộc Khu Tự trị Thái mèo v.v...

2. **Khu vực 1** : được hưởng định suất phụ cấp bằng 25% lương cấp bậc gồm có :

— Đảo Cô tô (Hải ninh)

— Các châu Mường-tè, Sinh hồ, Tửa chùa, Mu-căng-chai (Khu Tự trị Thái mèo)

— Huyện Hoàng su phi và Đồng văn (Hà giang)

— Huyện Trưng dương (Nghệ an)

— Một số vùng cao và biên giới của các châu khác thuộc Khu Tự trị Thái mèo, Lào — Hà — Yên v.v...

— Mỏ Apatite (Lào kay) Mỏ chì Bản thi (Bắc kạn)

— Nhà máy Thủy điện Tà-xa Na-ngàn, Mỏ Pia oắc

— Công trường Đèo Lê-A, Trại Chấn nuôi Phe-đen (Cao bằng).

— Mỏ sắt Khe-lếch (Lào kay)

— Mỏ kẽm Lang-hit (Thái nguyên).

3. **Khu vực 2** : được hưởng định suất phụ cấp bằng 20% lương cấp bậc gồm có :

— Toàn tỉnh Lào kay.

— Huyện Văn bản và Lục yên (Yên báy)

— Huyện Quan hóa, Thường xuân (Thanh hóa)

— Huyện Bảo lạc (Cao bằng)

— Huyện Na hang (Tuyên quang)

— Huyện Vị xuyên, huyện Bắc quang, Thị xã Hà giang (Hà giang)

— Các châu : Mộc châu, Yên châu, Mai sơn, Sông Mã, Mường la, Phong thổ, Thuận châu, Phù yên, Văn chấn, Than uyên, Tuần giáo, Điện biên, Mường lay, Quỳnh nhai, (Khu Tự trị Thái mèo)

— Huyện Ba chẽ (Hải ninh)

— Đảo Hòn dẫu, đảo Cát bà (Hải phòng)

— Huyện Quý châu (Nghệ an)

— Huyện Mai đá (Hòa bình)

— Mỏ thiếc Tĩnh túc (Cao bằng)

— Khu rừng Khe-nà, Khe-choang, Bu-chè, Nam phố, (Cầu đất Bèn-khét, (Chi nhánh Lâm khải Nghệ an)

— Khu rừng Ngã đội (Chi nhánh Lâm khải Hà-tĩnh)

— Khu rừng Cai hiếu (Chi nhánh Lâm khải Bắc giang)

— Mỏ phốt-phát Vĩnh thịnh (Lạng sơn)

— Công trường Đá Trái hút (Yên báy).

4. **Khu vực 3** : được hưởng định suất phụ cấp bằng 12% lương cấp bậc gồm có :

— Huyện Thanh sơn (Phủ thọ)

— Huyện Cát hải (Hải phòng)

— Huyện Bình liêu, Đình lập, Tiên yên, Sơn khu Huyện Moncay, Sơn khu Huyện Hà cối (Hải ninh)

— Huyện Cồn cường (Nghệ an)

— Huyện Lang chánh, Ba thước (Thanh hóa)

— Toàn tỉnh Bắc cạn

— Huyện Nguyễn bình (Cao bằng)

— Thượng huyện Trấn yên (Yên báy)

— Huyện Võ nhai (Thái nguyên)

— Huyện Chiêm-hóa, Hàm-yên, Thượng huyện Yên sơn, Thượng huyện Sơn dương (Tuyên quang).

— Huyện Bắc sơn, Bình gia, Hữu lương, Bằng mạc (Lạng-sơn).

— Nội thành Hà nội.

— Miền Vĩnh ó, Vĩnh khê, Vĩnh tường, Vĩnh hà, Hương lập (Khu vực Vĩnh-linh).

— Miền rừng núi ở biên giới Lào — Việt tỉnh Quảng bình, Thanh hóa, Lệ hoa, Hòa thanh,

Hương-hóa, Thượng-hóa, Phú-hóa (Huyện Tuyên-hóa) Tân-trạch, Hương-trạch (Huyện Bồ-trạch) Trường-sơn (Huyện Quảng-ninh) Hàm-nghi, Phan-đình-Phùng (Huyện Lệ-thủy).

— Khu vực sản xuất than Hà-lâm, Hà-tu (thuộc khu mỏ Hồng gai).

— Khu vực Vực-rông (nông trường Sông-con) khu vực Bà Triệu (nông trường Tây-hiếu).

— Kho K. 1, Z. 63, Z. 62, công trường 19. B

— Khu rừng Cột-cỏi, Đồn-vàng, Bắc-lệ (Bắc-giang).

— Hỏa xa Tân-ấp (Quảng-bình).

— Công trường 12 (Yên-bái).

— Mỏ than Làng-cầm (Thái-nguyên).

— Khu vực đốt than ở rừng Đa-cấp (Huyện Hương-khê Hà-tĩnh).

5. **Khu vực 4:** được hưởng định xuất phụ cấp bằng 10% lương cấp bậc gồm có:

— Huyện Ôn-châu, Văn-uyên, Diêm-he (Lang-son).

— Huyện Hà-quang, Hà-lang (Cao-bằng).

— Huyện Định-hóa (Thái-nguyên).

— Huyện Sơn-đông, Thượng huyện Lục-ngạn (Bắc-giang).

— Huyện Yên-lập (Phù-tho).

— Huyện Trấn-yên, Yên-bình và thị xã Yên-bái (Yên-bái)

— Huyện Lạc-son, Lương-son, Kỳ-son, Lạc-thủy và thị xã Hòa-bình (Hòa-bình).

— Thành phố Hải-phòng.

— Thị xã Hồng gai và khu mỏ Hồng gai, Cẩm-phả.

— Ngoại thành Hà-nội và Gia-lâm.

— Công trường Đèo-bụt, Mỏ đá Trảng-kênh (Hồng-quảng).

— Nông trường Đông-hiếu, Tây-hiếu, Sông-con (Nghệ-an).

— Nông trường Đồng-giao, công trường Đá Chùa-rồng (Ninh-bình).

— Trại chăn nuôi Sông-son (Hà-trung Thanh-hóa).

— Nông trường Sông-bôi (Hòa-bình).

6. **Khu vực 5:** được hưởng định xuất phụ cấp bằng 6% lương cấp bậc gồm có:

— Thị xã Nam-định, Thị xã Vinh — Bến-thủy.

— Huyện Phú-lương, Đại-từ, Đông-hỷ và thị xã Thái-nguyên (Thái-nguyên).

— Huyện Lục-ngạn và thượng huyện Yên-thế (Bắc-giang).

— Huyện Yên-son, Sơn-đương và thị xã Tuyên-quang (Tuyên-quang).

— Huyện Ngọc-lạc, huyện Như-xuân, huyện Cẩm-thủy (từ Cẩm-vân trở lên) Huyện Thạch-thành (từ Thạch-yến trở lên) (Thanh-hóa).

— Huyện Trấn-biên, Thạch-an, Phục-hòa, Trưng-khánh, Quang-uyên, Hòa-an và thị xã Cao-bằng.

— Huyện Thoát-lãng, Trảng-định, Lộc-bình, Cao-lộc và thị xã Lạng-son (Lạng-son).

— Huyện Hoàn-bổ, Huyện Cẩm-phả (Hồng-quảng).

— Huyện Mông-cây, Đầm-hà, Hà-cối (Hải-ninh).

— K. 478 và Z. 65.

— Mỏ than Mạo-khê, Quán-triều

— Nông trường Bồ-hạ (Bắc-giang).

— Công trường Đá Đầm-lỗ (Hà-dông).

— Nông trường Sông Lô, công trường 14 (Tuyên quang).

— Nông trường Thạch ngọc (Hà tĩnh)

— Nông trường Yên mỹ, nông trường Phúc do, nông trường Vân du, nông trường Yên giang (Thanh hóa)

— Nông trường Phú quý (Quảng bình)

— Đoạn đường từ chợ Ghềnh đến Bim-son (Ninh bình)

— Đoạn đường Đèo Ngang từ Đèo Con đến Đèo Cả (Hà tĩnh)

— Mỏ Chromite Cỏ định, mỏ Phốt phát Nam phát (Thanh hóa), công trường Đá Khe nước lạnh.

IV. — MỘT SỐ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Việc quy định các đồn trạm biên phòng, trạm thủy văn v.v... ở các vùng biên giới hẻo lánh vào các khu vực; việc phân định ranh giới các thị xã, ranh giới nội ngoại thành Hà nội; việc quy định cụ thể các vùng rẻo cao ở các Khu Tự trị Thái Mèo, Lào Hà Yên, Việt bắc, sẽ do các Bộ sở quan và Ủy ban Hành chính thành phố Hà nội quy định sau khi được sự đồng ý của Bộ Lao động và Bộ Nội vụ.

2. Các xí nghiệp, doanh nghiệp, công trường nói chung nếu trong thông tư không quy định thành khu vực riêng thì sẽ hưởng theo tỷ lệ phụ cấp khu vực đã quy định cho địa phương đó (nếu có). Ví dụ: các xí nghiệp, công trường ở nội thành Hà nội sẽ hưởng phụ cấp khu vực 12%, ở ngoại thành Hà nội 10%, các xí nghiệp ở Hải phòng hưởng phụ cấp khu vực 10% v.v.. Riêng một số công trường của ngành Giao thông vận tải chạy dài qua nhiều địa phương thì ngành Giao thông bưu điện sẽ đề nghị những trường hợp riêng để tránh chênh lệch không hợp lý trong một đơn vị sản xuất.

3. Khoản phụ cấp khu vực này sẽ thi hành cùng một lúc với thời gian thi hành lương mới quy định cho từng khu vực sản xuất hay khu vực hành chính, sự nghiệp.

V. — CÁCH THỨC TÍNH PHỤ CẤP KHU VỰC

1. Từ nơi không có phụ cấp khu vực đến nơi có phụ cấp khu vực và từ nơi có phụ cấp khu vực thấp đến nơi có phụ cấp khu vực cao:

— Được tính hưởng theo phụ cấp khu vực ở nơi đến công tác từ ngày đầu, nghĩa là đến công

tác ngày nào được hưởng thêm định suất phụ cấp khu vực ngày đó.

2. Từ nơi có phụ cấp khu vực cao đến nơi có phụ cấp khu vực thấp và từ nơi có phụ cấp khu vực đến nơi không có phụ cấp khu vực:

a. Trường hợp đi công tác cố tinh chất tạm thời thì được hưởng phụ cấp khu vực ở nơi cao đến hết ngày 30 hay 31 trong tháng đó. Từ ngày mùng 1 tháng sau sẽ căn cứ vào số ngày lưu lại công tác ở từng khu vực để tính hưởng theo phụ cấp khu vực ở nơi thấp hoặc thôi không được hưởng phụ cấp khu vực (nếu đến nơi không có phụ cấp khu vực).

b. Trường hợp điều động công tác đến hẳn nơi phụ cấp khu vực thấp hơn hoặc nơi không có phụ cấp khu vực thì kể từ ngày cán bộ, công nhân viên đến nhận công tác ở địa điểm mới sẽ hưởng theo định suất phụ cấp khu vực nơi địa điểm mới nếu có, không được giữ lại định suất phụ cấp khu vực cũ.

Nhưng nếu cán bộ, công nhân viên đã lĩnh khoản phụ cấp khu vực trong cả tháng rồi thì không phải truy hoàn.

3. Cách tính phụ cấp khu vực đối với các loại công nhân viên hưởng lương khác nhau

a) Đối với công nhân viên hưởng lương tháng (kể cả học việc hay thực tập) lấy mức lương chính bản thân nhân với định suất phụ cấp khu vực nếu có.

b) Đối với công nhân thuộc khu vực sản xuất hưởng theo chế độ lương ngày thì lấy số lương cấp bậc hàng ngày nhân với định suất phụ cấp khu vực nếu có.

c) Đối với công nhân hưởng lương tính theo sản phẩm (lương khoán) thì khi tính đơn giá công khoán lấy lương cấp bậc cộng thêm phụ cấp khu vực để tính.

d) Đối với công nhân viên hưởng nguyên lương nếu đã sắp xếp cấp bậc thì lấy mức lương cấp bậc mới được xếp nhân với định suất phụ cấp khu vực nếu có, đem số tiền lương và định suất phụ cấp khu vực đó đối chiếu với tiền lương hiện lĩnh nếu cao hơn lương hiện lĩnh thì sẽ lĩnh theo lương mới, ngược lại nếu thấp hơn lương hiện lĩnh thì vẫn được giữ nguyên mức lương cũ.

4. — Những nhân viên lưu dụng hưởng nguyên lương, bộ đội chuyển ngành nếu chưa sắp xếp cấp bậc; công nhân viên hưởng theo mức lương hợp đồng riêng, cán bộ đi học hưởng chế độ sinh hoạt phí, thì đều không áp dụng khoản phụ cấp khu vực này.

5. — Đối với công nhân viên ốm đi nằm điều trị hoặc điều dưỡng tại khu vực khác nếu đã xếp

lương mới thì cách tính phụ cấp khu vực cũng như cách tính phụ cấp đã nói ở trên điểm 1 và 2 nói ở mục V về cách thức tính phụ cấp khu vực.

6. — Trường hợp đi công tác ngắn ngày đã lĩnh tiền chênh lệch theo định suất phụ cấp khu vực cũ và trên cơ sở mức lương cũ thì nay không đặt vấn đề truy lĩnh hay truy hoàn.

7. — Các đoàn thăm dò địa chất, các đoàn khảo sát cầu đường, các đội điều tra rừng đều áp dụng theo định suất phụ cấp khu vực và cách tính phụ cấp khu vực định trong thông tư này, kể từ ngày được hưởng chế độ lương mới và không hưởng theo tỷ lệ phụ cấp đặc biệt 20% đã quy định trong nghị định 58-LB ngày 30-4-1956 nữa.

Trong khi thi hành nếu gặp khó khăn trở ngại gì cần kịp thời báo cáo cho Liên bộ biết để nghiên cứu giải quyết.

Hà-nội ngày 17 tháng 4 năm 1958

K.T. Bộ trưởng Bộ Nội vụ

Thư trưởng

TÔ-QUANG-ĐẦU

Bộ trưởng bộ Lao-động

NGUYỄN-VĂN-TẠO

CÁC BỘ

BỘ LAO ĐỘNG

NGHỊ ĐỊNH số 23-LĐ/NĐ ngày 7-4-1958 ban hành bản tiêu chuẩn kỹ thuật một số nghề nghiệp của công nhân cơ khí.

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG

Căn cứ nghị định số 182/TTg ngày 7-4-1958 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chế độ tiền lương cho cán bộ công nhân và nhân viên giúp việc Chính phủ;

Theo yêu cầu và tinh chất sản xuất, trình độ kỹ thuật của công nhân hiện nay;

Sau khi đã trao đổi thống nhất ý kiến giữa các Bộ sử dụng công nhân,

NGHỊ ĐỊNH :

Điều 1. — Nay ban hành bản tiêu chuẩn kỹ thuật một số nghề nghiệp của công nhân cơ khí (công nhân chế tạo và sửa chữa máy móc dụng cụ) làm cốt, có tinh chất tiêu biểu về trình độ kỹ thuật sản xuất và nghề nghiệp của công nhân hiện nay.

Điều 2. — Các ngành sử dụng công nhân tùy theo yêu cầu, đặc điểm và tinh chất sản xuất, trình độ nghề nghiệp của công nhân; dựa vào bản tiêu chuẩn tiêu biểu về trình độ kỹ thuật này mà xây dựng và sửa đổi bản tiêu chuẩn kỹ thuật của công nhân cơ khí trong ngành mình.

09669758

www.ThuVienPhapLuat.com

030-3845 6684

LawSoft